

Bản án số: 491/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/11/2021

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thụy Hồng Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Ngọc Liên Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thụy Phương Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường L, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: chung cư L, đường T, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Chung C, sinh năm 1979. Địa chỉ: đường L, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh. (Ông C có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn Vũ Thụy Phương Q trình bày:* Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 23/6/2008.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở tại đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về chăm lo kinh tế gia đình, ông C còn vô cớ ghen tuông, vợ chồng gây gổ thường xuyên. Mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng, bà đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện xin ly hôn với ông C để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: vợ chồng có 05 (năm) con chung là Hoàng Khải A, sinh ngày 25/12/2008; Hoàng Đức B, sinh ngày 01/3/2013; Hoàng Trang C, sinh ngày 16/6/2016; Hoàng Đức D, sinh ngày 16/6/2016 và Hoàng Đức Đ, sinh ngày 06/8/2017. Ly hôn, bà Quyên yêu cầu nuôi 03 con chung là cháu Hoàng Trang C, Hoàng Đức D và Hoàng Đức Đ, bà Q đồng ý giao cho ông C nuôi 02 con chung cháu Hoàng Khải A và Hoàng Đức B, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn, ông Hoàng Chung C trình bày:* Ông thừa nhận lời trình bày của bà Quyên về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do việc kinh doanh gặp khó khăn vì ảnh hưởng của dịch bệnh, tài chính gia đình bị cắt giảm dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Ngoài ra, ông phát hiện tin nhắn tình cảm của bà Q với người khác nên vợ chồng cũng có chút bất đồng. Đến tháng 6/2020, bà Q tự ý bỏ về gia đình cha mẹ ruột ở mà không thông báo cho ông. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, kinh tế gia đình từ từ có thể gây dựng lại. Hiện nay các con còn nhỏ, cần lo cho tương lai của con nên ông không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà Q.

Về con chung: có 05 con chung là Hoàng Khải A, sinh ngày 25/12/2008; Hoàng Đức B, sinh ngày 01/3/2013; Hoàng Trang C, sinh ngày 16/6/2016; Hoàng Đức D, sinh ngày 16/6/2016 và Hoàng Đức Đ, sinh ngày 06/8/2017. Ông không đồng ý ly hôn nên không đồng ý yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của bà Q.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Q và ông C vẫn không thống nhất ý kiến.

*Tại phiên tòa:*

Bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với ông C. Về con chung: yêu cầu nuôi 03 con chung là Hoàng Trang C, Hoàng Đức D và Hoàng Đức Đ, giao cho ông C nuôi 02 con Hoàng Khải A và Hoàng Đức B, không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Hoàng Chung C đồng ý ly hôn vì thời gian qua vợ chồng không gặp mặt nhau, không thể hàn gắn mâu thuẫn để trở về chung sống. Về con chung: ông đồng ý để bà Q trực tiếp nuôi 03 (ba) con chung là Hoàng Trang C, Hoàng Đức D và Hoàng Đức Đ. Ông đồng ý trực tiếp nuôi 02 con Hoàng Khải A và Hoàng Đức B, không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông C là hợp pháp, xét mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa ông C đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q.

Về con chung: có 05 con chung là Hoàng Khải A, sinh ngày 25/12/2008; Hoàng Đức B, sinh ngày 01/3/2013; Hoàng Trang C, sinh ngày 16/6/2016; Hoàng Đức D, sinh ngày 16/6/2016 và Hoàng Đức Đ, sinh ngày 06/8/2017. Giao bà Q trực tiếp nuôi 03 con chung là Hoàng Trang C, Hoàng Đức D và Hoàng Đức Đ. Giao ông Chiền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hoàng Khải A và Hoàng Đức B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Vũ Thụy Phương Q có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Hoàng Chung C, địa chỉ cư trú: đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Vũ Thụy Phương Q có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44 ngày 23/6/2008 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thụy Phương Q và ông Hoàng Chung C là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Q:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn:

Bà Q và ông C kết hôn hợp pháp, theo bà Q quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau và với gia đình cha mẹ của bà. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện xin ly hôn với ông C để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Ông C trình bày cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, kinh tế gia đình từ từ có thể gây dựng lại, mâu thuẫn vợ chồng có thể hàn gắn, vì tương lai của các con còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc đầy đủ của cha mẹ nên ông không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà Q. Tuy nhiên tại phiên Tòa, ông C đồng ý ly hôn vì thời gian qua vợ chồng không gặp mặt nhau, không thể hàn gắn mâu thuẫn để trở về chung sống.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà Q và ông C kéo dài, vợ chồng không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa ông C cũng đồng ý ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Q được ly hôn với ông C.

[3.2] Xét yêu cầu về nuôi dưỡng con chung của bà Q và ông C:

Bà Q và ông C xác nhận có 05 con chung là Hoàng Khải A, sinh ngày 25/12/2008; Hoàng Đức B, sinh ngày 01/3/2013; Hoàng Trang C, sinh ngày 16/6/2016; Hoàng Đức D, sinh ngày 16/6/2016 và Hoàng Đức Đ, sinh ngày 06/8/2017. Hiện nay 03 (ba) con chung Hoàng Trang C, Hoàng Đức D và Hoàng Đức Đ đang ở với bà Q. Hai con chung Hoàng Khải A và Hoàng Đức B đang ở với ông C và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con trên 7 tuổi.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về con chung: Giao bà Q trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung Hoàng Trang C, sinh ngày 16/6/2016; Hoàng Đức D, sinh ngày 16/6/2016 và Hoàng Đức Đ, sinh ngày 06/8/2017.

Giao ông C trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung Hoàng Khải A, sinh ngày 25/12/2008; Hoàng Đức B, sinh ngày 01/3/2013.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông C và bà Q do cả hai không có yêu cầu.

[3.3] Xét yêu cầu về tài sản chung, nợ chung :

Bà Q và ông C xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

[4] Về án phí: Theo Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Vũ Thụy Phương Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng,

được tính vào tạm ứng án phí do bà Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0069202 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thụy Phương Q:

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thụy Phương Q được ly hôn với ông Hoàng Chung C.

- Về con chung: Giao bà Q trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung Hoàng Trang C, sinh ngày 16/6/2016; Hoàng Đức D, sinh ngày 16/6/2016 và Hoàng Đức Đ, sinh ngày 06/8/2017.

Giao ông C trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung Hoàng Khải A, sinh ngày 25/12/2008; Hoàng Đức B, sinh ngày 01/3/2013.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông C và bà Q do cả hai không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Q và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Q và ông C xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Vũ Thụy Phương Q phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0069202 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Q vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông C có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

**Nơi nhận:**

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND Phường M, Quận N, TPHCM  
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 44 cấp ngày 23/6/2008).
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Bùi Thụy Hồng Châu**